

Số: 124/2025/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 của người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm: 1990. Địa chỉ: K đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987. Địa chỉ: K đường B, Tổ B phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 04/05/2011. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Tổ B phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 3/2024, bà Nguyễn Thị Phương A đã chuyển ra ngoài thuê nhà sống tại địa chỉ: K đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày: 23/9/2011 và Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày: 03/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 và vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Phương A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì ông Nguyễn Văn H phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Xét thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A xác định vợ chồng không có

[4] *Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình* là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Văn H mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu số 0009808 ngày 20/05/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 30 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A thống nhất thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 04/05/2011 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng).

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thống nhất thỏa thuận nuôi con như sau: Giao con chung Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày: 23/9/2011 và Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày: 03/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng

3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2025 và vào ngày 15 hàng tháng

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Phương A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thoả thuận thì ông Nguyễn Văn H phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A xác định vợ chồng không có.

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Văn H mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu số 0009808 ngày 20/05/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Phương A đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Tuyền